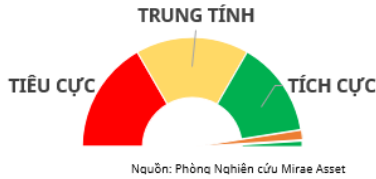


10 Tháng 05, 2023

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeasset.com.vn

Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	1,058.26	0.4	-0.7	-18.2
HNX	213.89	0.9	0.9	-35.2
UPCOM	78.84	0.6	1.1	-20.4
MSCI EM	982.24	-0.7	-0.7	-2.5
NIKKEI	29,122.18	-0.4	5.4	11.3
HANG SENG	19,762.20	-0.5	-2.8	0.7
KOSPI	2,496.51	-0.5	-0.6	-3.9
FTSE	7,748.37	-0.2	0.1	7.0
S&P 500	4,119.17	-0.5	0.2	3.0
NASDAQ	12,179.55	-0.6	0.8	3.8

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Việt Nam	14.3	1.6	12.8
Indonesia	0.1	1.9	12.0
Philippines	14.6	1.6	10.1
Malaysia	15.1	1.3	10.3
Thái Lan	19.2	1.5	8.2

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Tái cấp vốn	5.5	0	0	150
TPCP 5 năm	2.5	-3	-33	23
TPCP 10 năm	3.0	1	-23	-6

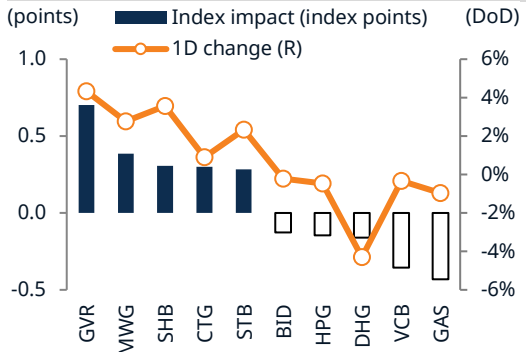
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,470	0.0	0.1	2.3
US\$/KRW	1,324.9	0.1	0.4	3.8
US\$/JPY	135.1	-0.1	1.1	3.6
US\$/EUR	0.91	0.0	-0.9	-3.9
US\$/GBP	0.79	0.0	-1.9	-2.4
US\$/SGD	1.33	0.0	-0.4	-4.6

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)

	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 6 tháng
VN-INDEX	341	378	406
HNX	50	50	45
UPCOM	20	17	16

Các cổ phiếu tác động VN-Index



Nhận định thị trường

Giữ vững sắc xanh

Tiếp nối đà tăng ở những phiên trước đó, VN-Index nhanh chóng nhập cuộc với sắc xanh và với lực cầu mạnh đã giúp cho chỉ số này đóng cửa ở mức cao nhất trong ngày. Đóng cửa, VN-Index tăng 4.49 điểm (tương đương 0,43%) và dừng mốc ở 1.058 điểm. Thanh khoản khớp lệnh có phần cải thiện với mức tăng hơn 29% so với phiên trước tương ứng đạt 650 triệu đơn vị, hơn 9,826 tỷ đồng về mặt giá trị.

Phiên hôm nay ghi nhận 280 mã tăng và 105 mã giảm ở sàn HOSE. Tâm điểm thị trường tập trung vào nhóm cổ phiếu bất động sản (DXG, NLG, NVL,...), bán lẻ (MWG, DGW,...). Ở chiều ngược lại 1 số cổ phiếu gây tác động tiêu cực như GAS, BCM, PLX,... Còn nếu xét riêng nhóm có vốn hóa lớn VN30, GVR là mã có diễn biến nổi bật và thu hút nhiều sự quan tâm của nhà đầu tư ở trong phiên giao dịch khi mà đóng cửa tăng 4,3% và khối lượng đạt ở mức cao nhất trong vòng 6 tháng trở lại đây.

Tiếp tục là diễn biến bán ròng của khối ngoại, thế nhưng áp lực bán có phần suy giảm khi mà tổng giá trị bán ròng của nhóm này đạt hơn 28 tỷ trên cả 2 sàn HNX và HSX. Đứng đầu trong danh sách bị bán ròng là CTG (-113,6 tỷ) và tiếp theo sau đó là VPB (-28,3 tỷ), GMD (-27,7 tỷ), ... Ngược lại, STB được mua ròng mạnh nhất với hơn 63 tỷ theo sau đó là SSI (+31,7 tỷ), NLG (19 tỷ),...

Tiếp tục đà tăng đã giúp cho điểm số đánh giá kỹ thuật của VN-Index vẫn được duy trì ở mức cao nhất +7 điểm và trạng thái đánh giá là KHẢ QUAN. Hệ số P/E hiện tại của VN-Index đạt ở mức 14,3x.

Trương Hoàng Tiến Hưng, Analyst, 84-8-39102222, hung.tht@miraeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Mã	Điểm kỹ thuật	Xu hướng ngắn hạn
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	0	TRUNG TÍNH
Kospi	-4	TIÊU CỰC
Nikkei 225	2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	7	KHẢ QUAN
VN30	5	KHẢ QUAN
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	-1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỤC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (10/05/2023)	1.058	Kháng cự 1 1.060
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.080
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Giảm	Hỗ trợ 1 1.040
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.000

VN-Index vẫn duy trì tốt đà tăng điểm và có xu hướng kiểm định ngưỡng kháng cự ngắn hạn quanh 1,060 điểm

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: fireant.com

CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (10/05/2023)	1.050	Kháng cự 1 1.050
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2 1.100
VN30 - đóng cửa	1.055	Hỗ trợ 1 1.020
Chênh lệch VN30F1M & VN30	-4.39	Hỗ trợ 2 1.000

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	4	KHẢ QUAN
VN30F1M (chart 60 phút)	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN

VN30F1M hiện đang kiểm định ngưỡng kháng cự trong ngắn hạn

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: fireant.vn

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
LHG	Khu công nghiệp	27,400	182,880	97	7	Top sức mạnh ngành
BVS	Chứng khoán	22,600	227,540	97	7	Top sức mạnh ngành
GVR	Nhựa, cao su & sợi	16,850	2,529,545	89	7	Top sức mạnh ngành
TDM	Nước	40,000	106,665	88	6	Top sức mạnh ngành
PTB	Vật liệu xây dựng	45,250	283,015	82	4	Top sức mạnh ngành
SZC	Bất động sản	34,500	1,351,710	82	6	
HDG	Bất động sản	34,500	1,422,270	70	7	

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
SSI	22.5	17,829,784	7	KHẢ QUAN	33,731	20.1	1.5	401
SHS	11.1	23,857,420	7	KHẢ QUAN	9,026	#N/A N/A	0.9	265
VND	15.3	16,510,580	7	KHẢ QUAN	18,633	31.3	1.3	253
DXG	14.3	17,457,884	7	KHẢ QUAN	8,723	#N/A N/A	1.0	250
CEO	25.6	8,047,810	7	KHẢ QUAN	6,588	24.2	2.0	206
KBC	27.8	7,280,090	7	KHẢ QUAN	21,339	10.7	1.3	202
VIX	9.61	15,228,880	7	KHẢ QUAN	5,594	87.9	0.7	146
VCG	19.7	6,068,795	7	KHẢ QUAN	9,572	22.2	1.4	120
LCG	12.45	6,101,015	7	KHẢ QUAN	2,361	15.9	0.9	76
NKG	15.15	4,946,115	7	KHẢ QUAN	3,989	#N/A N/A	0.8	75
CII	15.1	4,769,715	7	KHẢ QUAN	3,809	69.4	0.7	72
IDC	40	1,743,775	7	KHẢ QUAN	13,200	8.3	2.6	70
HHV	13.4	4,629,830	7	KHẢ QUAN	4,125	13.9	0.6	62
SCR	7.8	6,544,475	7	KHẢ QUAN	3,086	#N/A N/A	0.6	51
KSB	25.75	1,928,700	7	KHẢ QUAN	1,965	18.5	1.0	50
HDG	34.5	1,422,270	7	KHẢ QUAN	8,439	7.3	1.5	49
TCH	8.26	5,759,460	7	KHẢ QUAN	5,519	21.5	0.7	48
HDC	35.05	1,339,675	7	KHẢ QUAN	3,788	11.1	2.0	47
IJC	14.2	3,218,360	7	KHẢ QUAN	3,576	8.5	0.9	46
GVR	16.85	2,529,545	7	KHẢ QUAN	67,400	20.2	1.4	43
DPG	32.7	1,031,890	7	KHẢ QUAN	2,060	6.4	1.2	34
HPG	21.7	14,330,925	6	KHẢ QUAN	126,181	190.0	1.3	311
HSG	15.95	9,843,455	6	KHẢ QUAN	9,539	#N/A N/A	0.9	157
VCI	32.75	4,680,880	6	KHẢ QUAN	14,219	27.0	2.1	153
LPB	14.05	8,047,465	6	KHẢ QUAN	24,294	5.1	1.0	113
ACB	24.9	3,435,380	6	KHẢ QUAN	84,098	5.8	1.3	86
PVD	21.85	3,644,065	6	KHẢ QUAN	12,146	810.4	0.9	80

VCB	92	563,995	6	KHẢ QUAN	435,392	14.1	3.0	52
TNG	19.6	2,389,215	6	KHẢ QUAN	2,060	6.8	1.3	47
SZC	34.5	1,351,710	6	KHẢ QUAN	3,450	26.1	2.2	47
AAA	10.9	4,135,625	6	KHẢ QUAN	4,167	31.3	0.7	45
ORS	13.4	2,699,520	6	KHẢ QUAN	2,680	#N/A N/A	1.1	36
PVC	16.3	1,804,570	6	KHẢ QUAN	815	37.0	1.1	29
HUT	16.9	1,728,530	6	KHẢ QUAN	5,892	104.4	1.5	29
BID	45	633,125	6	KHẢ QUAN	227,634	11.3	2.2	28
DIG	19.15	24,872,240	5	KHẢ QUAN	11,679	73.2	1.7	476
GEX	14	9,171,410	5	KHẢ QUAN	11,921	1,402.0	1.0	128
MBB	18.5	5,623,745	5	KHẢ QUAN	83,879	4.7	1.0	104
POW	13.4	6,872,790	5	KHẢ QUAN	31,381	16.7	1.0	92
BCG	8.95	7,980,495	5	KHẢ QUAN	4,775	40.6	0.7	71
IDJ	14.9	4,726,035	5	KHẢ QUAN	2,585	15.6	1.3	70
VIB	20.65	3,377,145	5	KHẢ QUAN	43,523	5.0	1.3	70
VGC	37.1	951,945	5	KHẢ QUAN	16,634	13.6	2.1	35
ASM	9.02	2,871,070	5	KHẢ QUAN	3,035	6.2	0.6	26
HCM	25.55	4,729,070	4	KHẢ QUAN	11,682	16.8	1.5	121
BSR	16.3	5,879,655	4	KHẢ QUAN	50,848	3.5	1.0	96
NLG	33.85	2,773,265	4	KHẢ QUAN	13,001	26.2	1.5	94
TPB	23.75	3,367,565	4	KHẢ QUAN	37,567	5.9	1.1	80
VNM	70.5	1,108,720	4	KHẢ QUAN	147,342	20.4	4.7	78
VRE	27.8	2,399,570	4	KHẢ QUAN	63,170	18.5	1.8	67
GAS	93.2	289,045	4	KHẢ QUAN	178,380	12.2	2.8	27
STB	26.35	11,600,925	3	TRUNG TÍNH	49,675	8.8	1.2	306
SHB	11.6	23,074,456	3	TRUNG TÍNH	35,576	4.4	0.8	268
HAG	8.05	12,597,385	3	TRUNG TÍNH	7,466	6.4	1.5	101
PVS	26	3,584,120	3	TRUNG TÍNH	12,427	14.1	1.0	93
HQC	4.58	12,726,225	3	TRUNG TÍNH	2,183	147.4	0.5	58
APS	14.8	2,945,660	3	TRUNG TÍNH	1,228	#N/A N/A	1.2	44
PC1	28.7	1,206,470	3	TRUNG TÍNH	7,761	22.8	1.5	35
LDG	4.4	5,854,895	3	TRUNG TÍNH	1,127	#N/A N/A	0.4	26
VPB	19.55	9,320,765	2	TRUNG TÍNH	131,243	10.9	1.3	182
PDR	13.75	8,440,755	2	TRUNG TÍNH	9,235	10.4	1.1	116
DBC	15.3	5,281,400	2	TRUNG TÍNH	3,703	#N/A N/A	0.9	81
MSN	73.6	974,645	2	TRUNG TÍNH	104,786	47.8	4.0	72
MBS	17.5	3,644,055	2	TRUNG TÍNH	9,366	15.4	1.4	64
KDC	64.6	945,920	2	TRUNG TÍNH	16,617	#N/A N/A	2.5	61
KDH	29.8	1,516,950	2	TRUNG TÍNH	21,362	22.7	1.8	45
PVT	20.5	2,086,165	2	TRUNG TÍNH	6,635	7.5	1.1	43
VHC	61.4	610,425	2	TRUNG TÍNH	11,259	6.8	1.5	37
CTS	17	2,018,565	2	TRUNG TÍNH	2,528	104.4	1.4	34
HDB	19.15	1,710,085	2	TRUNG TÍNH	48,167	6.1	1.2	33
VPI	52.6	599,840	2	TRUNG TÍNH	12,729	15.7	3.5	32
AGR	12.15	2,116,350	2	TRUNG TÍNH	2,617	18.7	1.0	26
DGW	34.5	1,904,285	1	TRUNG TÍNH	5,764	10.2	2.3	66
EIB	19.55	2,845,035	1	TRUNG TÍNH	28,842	9.6	1.4	56
IDI	11.7	3,609,605	1	TRUNG TÍNH	2,663	7.3	0.8	42

VHM	49.35	1,379,120	0	TRUNG TÍNH	214,888	5.9	1.4	68
CTG	28.25	2,257,440	0	TRUNG TÍNH	135,762	8.0	1.2	64
FPT	79	518,415	0	TRUNG TÍNH	86,665	15.6	3.8	41
PAN	18.35	1,455,040	0	TRUNG TÍNH	3,833	11.4	0.9	27
TCB	29.3	3,345,455	-2	TRUNG TÍNH	103,055	5.4	0.9	98
MWG	39	2,479,330	-2	TRUNG TÍNH	57,072	21.3	2.4	97
SBT	16.4	4,140,390	-2	TRUNG TÍNH	11,040	19.3	1.2	68
FRT	64	826,280	-2	TRUNG TÍNH	7,582	34.4	3.8	53
DCM	23.7	2,193,225	-2	TRUNG TÍNH	12,547	4.5	1.2	52
ANV	33.15	1,557,715	-2	TRUNG TÍNH	4,413	7.6	1.5	52
DPM	32.95	1,521,915	-2	TRUNG TÍNH	12,894	3.5	1.0	50
BSI	29.3	1,610,695	-2	TRUNG TÍNH	5,488	41.1	1.2	47
CTD	58	651,895	-2	TRUNG TÍNH	4,284	315.3	0.5	38
GMD	50.4	747,845	-2	TRUNG TÍNH	15,189	17.9	2.2	38
BMP	82.4	387,475	-2	TRUNG TÍNH	6,745	8.0	2.3	32
GIL	23.3	1,080,435	-2	TRUNG TÍNH	1,631	6.5	0.7	25
NVL	13.3	26,547,064	-4	TIÊU CỰC	25,936	36.7	0.7	353
DGC	51.2	2,103,825	-4	TIÊU CỰC	19,445	4.1	1.8	108
FTS	27.55	2,335,280	-4	TIÊU CỰC	5,374	28.8	1.6	64
HAH	40.1	1,244,360	-4	TIÊU CỰC	2,821	4.4	1.2	50
SAB	165.2	173,995	-4	TIÊU CỰC	105,940	21.6	4.4	29
TCM	50.8	562,515	-4	TIÊU CỰC	4,163	18.1	2.1	29
CTF	35.8	708,830	-4	TIÊU CỰC	2,721	25.0	3.0	25

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

World Bank: Giá hàng hóa toàn cầu dự báo giảm 21%, ảnh hưởng kinh tế Việt Nam

World Bank cho biết, trong 6 tháng qua, giá các mặt hàng giảm nhanh, sau khi tăng kỷ lục lên đỉnh điểm vào tháng 6/2022. Theo đánh giá của World Bank, chỉ số giá cả hàng hóa đã giảm 32%, mức giảm sâu nhất kể từ khi đại dịch COVID-19 bùng phát. Tính đến cuối quý I/2023, giá hàng hóa thế giới giảm 14% so với đầu năm và giảm gần 30% so với mức đỉnh tháng 6/2022. Giai đoạn sắp tới, World Bank dự báo giá cả hàng hóa toàn cầu sẽ giảm 21% trong năm 2023 so với năm ngoái và sẽ tiếp tục đi ngang trong năm 2024. Theo chuyên gia của World Bank, diễn biến này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến triển vọng tăng trưởng của xấp xỉ 2/3 các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam, vốn phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu hàng hóa. Ngân hàng Thế giới cũng dự báo, giá năng lượng có thể giảm sâu với mức giảm khoảng 26% trong năm nay, sau đó nhích nhẹ không quá 0,1% trong năm 2024; Giá cả các mặt hàng nông nghiệp được dự báo giảm 7% trong năm 2023, sau đó tiếp tục giảm thêm trong năm 2024. Trong đó, giá thực phẩm được kỳ vọng sẽ giảm 8% trong năm 2023 và giảm 3% trong năm 2024, với giả thiết là xuất khẩu ngũ cốc và hạt có dầu từ các nước xung quanh Biển Đen tiếp tục ổn định.

Nguồn: cafef.vn

BCC: Quý 1/2023 lỗ 47 tỷ đồng, đồng thời dự báo vẫn tiếp tục khó khăn trong thời gian tới.

Quý đầu năm 2023, doanh thu BCC giảm 28% so với cùng kỳ năm trước, đạt 848 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu từ xi măng và clinker hầu như chiếm gần 100%, phần nhỏ còn lại đến từ doanh thu. Giá vốn bán hàng giảm 20%, còn 812 tỷ đồng. Mặt khác, lãi gộp giảm sâu 79%, ghi nhận 36 tỷ đồng, dẫn đến biên lãi gộp giảm từ 14% quý 1/2022 còn 4% quý 1 năm nay. Đây cũng là quý 1 có biên lãi gộp thấp nhất kể từ khi niêm yết trên sàn HNX năm 2006. Với lãi gộp "tí hon" không thể "kham" nổi các khoản chi phí. Kết quả, ba tháng đầu năm, BCC lỗ 47 tỷ đồng, trong khi cùng kỳ năm ngoái đạt 70 tỷ đồng. BCC lý giải, mức giảm doanh thu bán hàng, thu nhập khác và mức tăng chi phí tài chính lớn hơn mức giảm giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp. Vì vậy, lợi nhuận trước thuế quý 1/2023 giảm so với lợi nhuận quý 1/2022 và chuyển từ lãi sang lỗ. BCC dự báo trong năm 2023, thị trường xuất khẩu vẫn khó khăn do các nước nhập khẩu xi măng, clinker tiếp tục thực hiện chính sách bảo hộ sản xuất trong nước, hàng rào kỹ thuật thương mại, giá cước vận chuyển tăng cao...

Nguồn: vietnambiz.vn

BAF muốn chào bán hơn 68,4 triệu cổ phiếu

Cụ thể, BAF muốn phát hành hơn 68,4 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng với tỷ lệ 47,677% vốn điều lệ. Giá phát hành là 10.000 đồng/cp, thấp hơn 54% so với giá cổ phiếu BAF chốt phiên 9/5. Giá trị sổ sách của cổ phiếu BAF tại ngày 31/12/2022 là 12.029 đồng/cp. Thời gian thực hiện chào

bán dự kiến từ quý II đến quý IV/2023. Theo BAF, trong tổng 684 tỷ đồng thu được nếu huy động thành công, 400 tỷ sẽ được dùng để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh nông sản; hơn 165 tỷ đồng bổ sung vốn phục vụ hoạt động chăn nuôi heo và 119 tỷ đồng tăng vốn điều lệ tại các công ty con để thực hiện đầu tư xây dựng dự án trang trại chăn nuôi heo và bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh.

Nguồn: vietnambiz.vn

DGC: dự báo lợi nhuận quý II giảm 67%

HDQT CTCP Tập đoàn Hóa chất Đức Giang (Mã: DGC) vừa thông qua kế hoạch kinh doanh quý II với 2.172 tỷ đồng tổng doanh thu hợp nhất, lợi nhuận sau thuế là 630 tỷ đồng giảm lần lượt 46%, 67% so với cùng kỳ. Còn so với kết quả quý I, kế hoạch trên giảm 13% về doanh thu và giảm 23% về lợi nhuận. Ngoài ra, trong quý II, công ty dự kiến hoàn thiện dây chuyền NPK tại Đắk Nông và chạy thử sản phẩm SHMB. Mới đây, Hoá chất Đức Giang đã công bố BCTC hợp nhất quý I với 2.483 tỷ đồng doanh thu thuần 823 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế giảm lần lượt 32%, 45% so với quý I/2022. Công ty rằng, kết quả kinh doanh đi xuống là do sản lượng tiêu thụ và giá bán một số mặt hàng giảm, trong khi sức mua trên thị trường trong nước và thế giới đều giảm. Năm 2023, công ty đặt mục tiêu doanh thu 11.075 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 3.000 tỷ đồng. Như vậy, sau ba tháng, công ty mới hoàn thành 22% chỉ tiêu doanh thu và hơn 27% kế hoạch lợi nhuận năm.

Nguồn: vietnambiz.vn

SSB: chốt kế hoạch chia cổ tức 14,5% bằng cổ phiếu trong quý II hoặc quý III

Cụ thể, ngân hàng cho biết sẽ thực hiện phương án phát hành 295,2 triệu cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022, tỷ lệ xấp xỉ 14,5%. Nguồn vốn thực hiện được lấy từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 31/12/2022 theo báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán (3.469 tỷ đồng). SeABank cũng sẽ phát hành hơn 118,2 triệu cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu (thặng dư vốn cổ phần tại thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán 1.204 tỷ đồng). Thời gian dự kiến triển khai vào quý II và quý III năm nay. Nếu thực hiện thành công hai phương án này, vốn điều lệ của ngân hàng sẽ tăng lên 24.537 tỷ đồng, tương đương tăng hơn 20%.

Nguồn: vietnambiz.vn

VGG: chốt quyền chia cổ tức năm 2022 gấp đôi năm trước

Tổng CTCP May Việt Tiến (VGG – UPCoM) cho biết, ngày 23/5 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 25%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ được nhận 2.500 đồng. Ngày giao dịch không

hưởng quyền là 22/5, thời gian thanh toán cổ tức dự kiến ngày 26/6/2023. Đây là mức chia cổ tức cao gấp hơn 2 lần năm 2021 (là 12% bằng tiền mặt). Việc chia cổ tức cao dựa trên kết quả kinh doanh năm 2022 của May Việt Tiến khá khả quan với doanh thu đạt hơn 8.468 tỷ đồng, tăng trưởng 40,9% so với năm trước và vượt % kế hoạch đề ra; lợi nhuận sau thuế đạt 177,27 tỷ đồng, tăng trưởng 212,4%. Với sự ghi nhận lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 218,65 tỷ đồng, Công ty đã hoàn thành vượt 45,77% kế hoạch đề ra là 150 tỷ đồng. Đồng thời, tỷ lệ chia cổ tức cũng vượt xa kế hoạch đã đề ra là từ 10-15%. Mới đây, May Việt Tiến cũng đã tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2023 và thông qua kế hoạch kinh doanh năm nay với tổng doanh thu dự kiến 8.030 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 200 tỷ đồng, tỷ lệ chia cổ tức 20%. Trong đó, riêng quý I/2023, Công ty đã có báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán với doanh thu đạt hơn 1.855 tỷ đồng, tăng 22,04% so với cùng kỳ năm ngoái; tuy nhiên, lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt giảm 19,25% và giảm hơn 25%, tương ứng đạt 25,17 tỷ đồng và 19,48 tỷ đồng.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan

LCG: dự kiến chốt danh sách cổ đông trả cổ tức 7%

Cụ thể, Lizen thông qua kế hoạch trả cổ tức năm 2022 bằng tiền với tỷ lệ 7%, tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu sẽ nhận thêm 700 đồng. Trong đó, ngày chốt danh sách là 18/5 và ngày thanh toán dự kiến là 15/6. Như vậy, với 189,64 triệu cổ phiếu đang lưu hành, ước tính Công ty sẽ trả tổng cộng 132,7 tỷ đồng trong lần thanh toán cổ tức này. Xét về hoạt động kinh doanh, trong quý I/2023, Lizen ghi nhận doanh thu đạt 242,27 tỷ đồng, tăng 33,6% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 10,31 tỷ đồng, giảm 80,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, biên lợi nhuận gộp giảm từ 22,1% về còn 14,4%. Được biết, từ quý IV/2017 tới nay, chưa quý nào lợi nhuận của Lizen thấp hơn 10,31 tỷ đồng/một quý. Trong đó, quý có lợi nhuận thấp nhất là quý I/2020 với giá trị 12,49 tỷ đồng. Như vậy, lợi nhuận quý I/2023 là mức lợi nhuận thấp kỷ lục trong vòng 22 quý liên tiếp. Trong kỳ, lợi nhuận gộp giảm 13,3% so với cùng kỳ, tương ứng giảm 5,32 tỷ đồng, về 34,82 tỷ đồng; doanh thu tài chính giảm 97,1%, tương ứng giảm 63,85 tỷ đồng, về 1,92 tỷ đồng; chi phí tài chính giảm 53,4%, tương ứng giảm 12,09 tỷ đồng, về 10,57 tỷ đồng; chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ 0,7%, tương ứng tăng thêm 0,12 tỷ đồng, lên 17,37 tỷ đồng và các hoạt động khác biến động không đáng kể.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan

IDI: quý I/2023 báo lãi sau thuế 17,5 tỷ đồng

Mới đây, IDI đã công bố BCTC hợp nhất quý I/2023 với doanh thu thuần đạt 1.762 tỷ đồng giảm 6% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán của doanh nghiệp tăng 3% lên 1.567 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp của IDI đạt 144,1 tỷ đồng, giảm 52,7% so với cùng kỳ năm ngoái dẫn đến biên lợi nhuận gộp giảm mạnh từ 16,3% xuống 8,2%. Trong khi đó, doanh thu hoạt động tài chính giảm 48% so với quý I/2022, đạt 27,89 tỷ đồng nhưng chi phí tài chính lại tăng tới 93% lên 94 tỷ đồng. Cùng với đó là chi phí lãi vay gần 85 tỷ đồng và thu nhập khác giảm 56,6% xuống còn 2,2 tỷ đồng trong quý I/2023. Kết quả là lợi nhuận sau thuế quý I/2023 của IDI chỉ đạt 17,5 tỷ đồng, giảm 91% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm nay, IDI đặt mục tiêu doanh thu thuần đạt 8.133 tỷ đồng, tăng 2,5% so với thực hiện năm 2022 và chỉ tiêu lợi nhuận đạt 186 tỷ đồng, giảm tới 66% so với thực hiện năm

2022. Như vậy kết thúc quý I/2023, IDI đã hoàn thành 22% kế hoạch doanh thu và 10% kế hoạch lợi nhuận năm.

Nguồn: tinnhanhchungkhoan

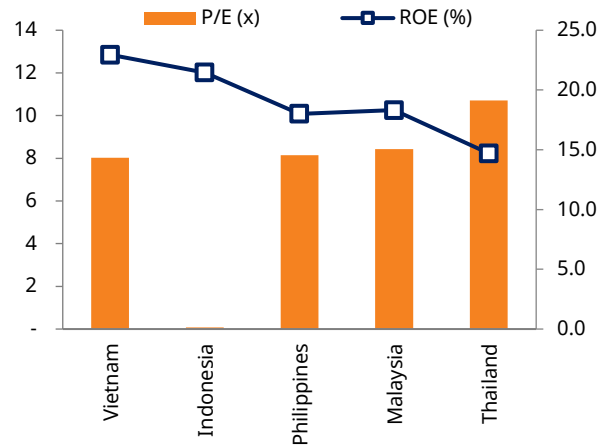
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ định giá P/E lịch sử của VN Index



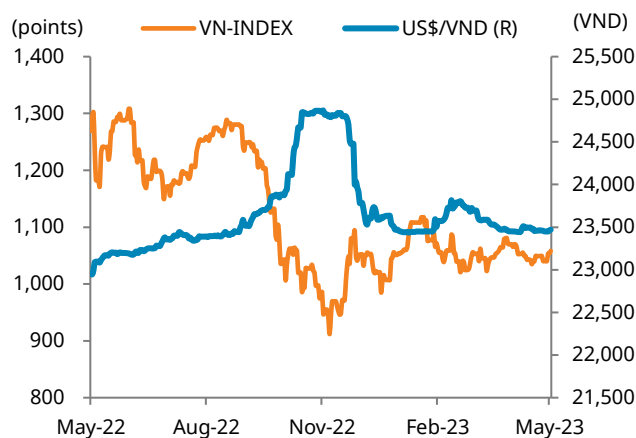
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ định giá P/E và ROE các thị trường



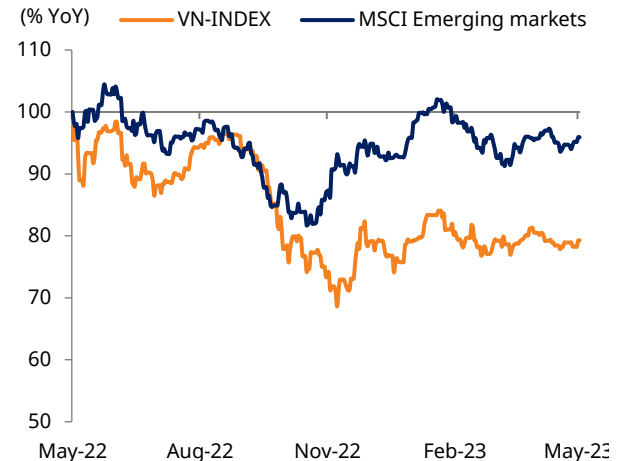
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN-Index và tỷ giá USD/VND



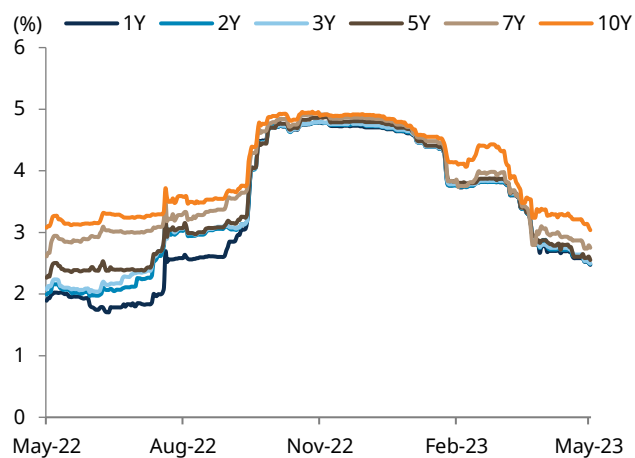
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ VN Index và MSCI Emerging Markets



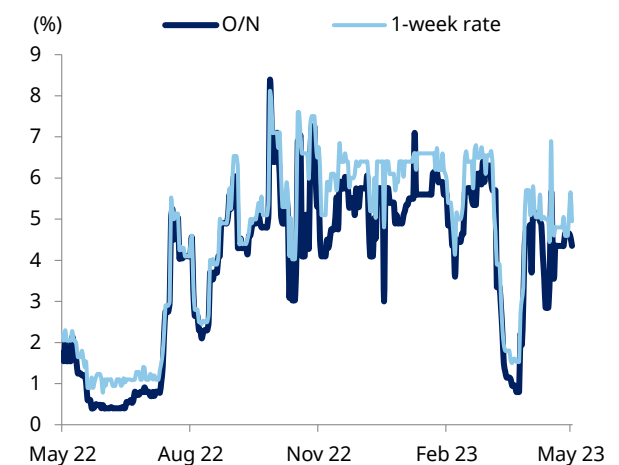
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Vốn hóa (VND bn)	Giá (VND)			Biến động giá (%)				Định giá (TTM)			Sở hữu khối ngoại	
			Đóng cửa	52W cao	52W thấp	1D	1W	1M	1Y	P/E	P/B	ROE (%)	Gần nhất (%)	Còn lại (%)
VN-Index		4,203,301	1,058.26	1,316.78	873.78	0.4	0.9	-0.7	-18.2	14.3	1.6	12.8		
VN30 Index		3,032,017	1,054.99	1,355.11	863.31	0.5	0.3	-2.1	-21.6	11.7	1.6	14.7		
Asia Commercial JS Bank	ACB VN	84,098	24,900	26,500	17,450	0.0	2.9	-0.4	1.1	5.8	1.3	26.3	30.0	0.0
BIDV	BID VN	227,634	45,000	48,000	28,000	-0.2	3.4	0.7	25.7	11.3	2.2	20.9	17.2	12.8
VietinBank	CTG VN	135,762	28,250	31,250	19,500	0.9	-2.1	-3.7	12.1	8.0	1.2	16.1	28.0	2.0
HDBank	HDB VN	48,167	19,150	21,800	13,050	0.5	1.9	-2.8	-0.5	6.1	1.2	22.6	19.5	0.6
MBBank	MBB VN	83,879	18,500	23,950	13,200	1.1	0.3	-0.5	-17.9	4.7	1.0	24.8	23.2	0.0
Sacombank	STB VN	49,675	26,350	27,400	14,050	2.3	4.2	1.5	10.3	8.8	1.2	14.9	25.8	4.2
Techcombank	TCB VN	103,055	29,300	39,950	19,300	0.0	-0.7	-3.0	-24.3	5.4	0.9	17.8	22.5	0.0
Tien Phong Bank	TPB VN	37,567	23,750	34,100	18,300	0.8	-0.2	2.8	-28.7	5.9	1.1	20.9	30.0	0.0
Vietcombank	VCB VN	435,392	92,000	96,300	62,000	-0.3	1.7	3.4	15.0	14.1	3.0	23.6	23.5	6.5
Vietnam International CJS Bank	VIB VN	43,523	20,650	29,222	16,200	2.0	0.7	-1.2	-27.4	5.0	1.3	29.7	20.5	0.0
VPBank	VPB VN	131,243	19,550	22,600	13,650	0.5	-1.8	-6.5	-11.9	10.9	1.3	12.9	17.6	0.1
SSI Securities Corp	SSI VN	33,731	22,500	28,855	13,050	1.1	4.4	0.4	-14.2	20.1	1.5	7.9	N/A	N/A
Bao Viet Holdings	BVH VN	34,110	45,950	60,300	41,200	-0.1	2.3	-6.0	-23.4	21.2	1.6	7.6	27.3	21.7
BECAMEX IDC Corp	BCM VN	80,316	77,600	101,800	58,200	-0.1	-1.4	-3.0	-3.1	66.3	4.7	8.1	2.8	46.2
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	25,936	13,300	86,800	10,050	2.3	-7.0	0.0	-83.2	36.7	0.7	1.9	6.2	42.8
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	9,235	13,750	62,000	9,940	2.2	-2.8	4.2	-77.8	10.4	1.1	11.3	2.9	46.1
Vinhomes JSC	VHM VN	214,888	49,350	71,200	39,400	0.1	-0.3	-0.9	-29.4	5.9	1.4	25.3	24.3	25.8
Vingroup JSC	VIC VN	192,985	50,600	80,500	49,700	0.0	-2.9	-5.9	-37.1	25.4	1.7	7.0	12.8	36.0
Vincom Retail JSC	VRE VN	63,170	27,800	31,650	21,400	1.5	0.4	-4.5	-1.1	18.5	1.8	10.5	32.9	17.3
Mobile World Investment Corp	MWG VN	57,072	39,000	79,000	35,250	2.8	-0.5	-4.9	-44.3	21.3	2.4	11.7	49.0	0.0
Masan Group Corp	MSN VN	104,786	73,600	121,500	69,100	0.0	0.7	-4.7	-36.6	47.8	4.0	8.1	30.3	18.7
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	105,940	165,200	203,000	149,000	0.1	-4.0	-6.5	0.2	21.6	4.4	22.1	62.5	37.5
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	147,342	70,500	85,600	64,500	-0.3	0.7	-5.2	-0.1	20.4	4.7	22.7	55.4	44.6
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	47,965	37,750	47,900	22,950	-0.7	0.8	1.2	-11.6	26.3	1.9	7.2	17.9	2.5
Vietnam Rubber Group	GVR VN	67,400	16,850	28,200	9,300	4.3	8.4	6.0	-31.9	20.2	1.4	6.7	0.5	12.5
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	126,181	21,700	31,769	11,800	-0.5	0.2	4.8	-31.4	190.0	1.3	0.7	24.1	24.9
FPT Corp	FPT VN	86,665	79,000	98,000	61,300	0.1	1.9	-1.6	-3.7	15.6	3.8	26.6	49.0	0.0
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	52,428	96,800	133,200	94,000	1.5	-0.2	-5.4	-25.0	N/A	3.5	-14.5	17.5	12.5
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	178,380	93,200	134,000	91,600	-1.0	0.4	-6.3	-13.7	12.2	2.8	25.0	3.0	46.0
PetroVietnam Power Corp	POW VN	31,381	13,400	16,400	8,910	0.4	2.3	0.4	0.8	16.7	1.0	6.2	7.5	41.5

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.